TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST
Ngày 04 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LAC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Chinh và bà Phạm Thị Minh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Kim Bách Chiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2018/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Tiến A, sinh ngày 24/10/1986; sinh trú quán: Ngõ 2, đường T, khu phố G, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phùng Thị Đ; có vợ là Lê Thị Thanh H và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân:

+ Tại Quyết định số: 107/QĐ - XPHC ngày 11/12/2010, Nguyễn Tiến A bị Công an phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích số tiền 750.000 đồng.

+ Tại Quyết định số: 62/QĐ - XPHC ngày 21/02/2011, Nguyễn Tiến A bị Công an thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc số tiền 1500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tiến A đã nộp xong các khoản tiền phạt trên vào năm 2011; hiện nay bị cáo đang tại ngoại, (có mặt);

2/ Nguyễn Mạnh B, sinh ngày 07/7/1968; nơi ĐKHKTT: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu G, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng S và bà Tạ Thị X; có vợ là Ngô Thị TH và có 01 con sinh năm 2000.

Tiền án: Có 01 tiền án:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2015/HSST ngày 11/8/2015, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án quân sự khu vực thủ đô Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Đến nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Có 02 tiền sự:

+ Tại quyết định số: 1279/QĐ - XPHC ngày 15/5/2017, Nguyễn Mạnh B bị Công an phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm trật tự an toàn công cộng số tiền 200.000 đồng.

+ Tại quyết định số: 1276/QĐ - XPHC ngày 18/6/2017, Nguyễn Mạnh B bị Công an phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm trật tự an toàn công cộng số tiền 750.000 đồng.

Đến nay bị cáo Hùng chưa nộp bất cứ khoản tiền xử phạt nào.

Về nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 25/HSST ngày 08/12/1990, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án nhân dân huyện Phong Châu (cũ), tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/HSST ngày 25/9/1992, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (cũ), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 24 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản công dân".

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/HSST ngày 18/4/1995, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú (cũ) xử phạt 24 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản công dân".

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/HSST ngày 02/3/1998, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 05 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản công dân".

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/HSST ngày 15/3/2005, Nguyễn Mạnh B bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt 27 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Hiện nay bị cáo đang tại ngoại, (có mặt);

* Người bị hại: Anh Trần V, sinh năm 1974; nơi ĐKHKTT: Khu hành chính số 13, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1/ Chị Nguyễn Thị NH, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: Phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2/ Anh Đỗ Văn E, sinh năm 1993; chỗ ở hiện nay: Số nhà X đường L, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

* Người làm chứng;

1/ Chị Nguyễn Thị Thu HN, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT: Khu hành chính số 13, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

2/ Anh Lê Q, sinh năm 1984; trú tại: phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

3/ Anh Lỗ Văn M, sinh năm 1999; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

4/ Anh Đặng Trường G, sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

5/ Anh Dương Quốc C, sinh năm 1973; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

6/ Anh Lâm Văn F, sinh năm 1996; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do anh Trần V nguyên là cán bộ Trung tâm huấn luyện thực hành Tăng thiết giáp thuộc Bộ tư lệnh Tăng thiết giáp đã phục viên hiện đang cư trú tại khu hành chính số 13, phường N, thành phố V có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị NH cư trú tại phố M, phường K, thành phố Vĩnh Yên nên ngày 06/01/2016, anh Trần V đã vay của chị NH 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), với mức lãi suất là 8.000.000 đồng/01 tháng. Ba tháng đầu sau khi vay tiền, anh Trần V đã trả cho chị NH tiền lãi đầy đủ là 24.000.000 đồng. Đến tháng thứ tư thì anh Trần V mất khả năng trả nợ cho chị NH tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận khi vay tiền. Nhiều lần chị NH nhắn tin, điện thoại yêu cầu anh Trần V phải thanh toán cho chị NH toàn bộ số tiền mà chị NH đã cho anh Trần V vay nhưng anh Trần V vẫn không có khả năng trả nợ tiền cho chị NH. Do nhiều lần đòi tiền anh Trần V không được nên khoảng tháng 6/2017, chị NH đã nhờ Nguyễn Tiến A là em họ bên nhà chồng của chị NH đến đòi tiền anh Trần V hộ đồng thời chị NH

đưa cho Nguyễn Tiến A 01 giấy vay nợ đề ngày 26/11/2016 do chính tay anh Trần V viết với nội dung: "Anh V nợ chị NH số tiền 150.000.000 đồng" (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong số tiền nợ trên bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi đồng thời hẹn trong 03 tháng sau sẽ thanh toán hết nợ. Sau khi Nguyễn Tiến A thay chị NH đến đòi tiền anh Trần V thì anh Trần V đã trả được cho chị NH 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Sau khi lấy được tiền nợ của anh Trần V, chị NH đã cho A 3.500.000 đồng. Số tiền anh Trần V còn nợ chị NH là 110.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 8 năm 2017, A rủ thêm Nguyễn Mạnh B và Nguyễn Văn H ở xã T, huyện L là bạn xã hội cùng với A đến nhà anh Trần V để đòi nợ tiền cho chị NH. Sau khi được A rủ, Nguyễn Mạnh B và Nguyễn Văn H đều đồng ý rồi cả nhóm đến gặp anh Trần V để đòi nợ. Do anh Trần V không có tiền trả nợ nên A yêu cầu anh Trần V phải viết giấy hẹn ngày trả nợ. Anh Trần V đã viết giấy hẹn đến ngày 10/9/2017 sẽ trả nợ 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho A rồi giao giấy hẹn lại cho A giữ. Sau khi anh Trần V viết giấy hẹn trả nợ, A đã thông báo lại nội dung anh Trần V viết giấy hẹn ngày trả nợ cho chị NH biết. Chiều ngày 10/9/2017, chị NH điện thoại cho A hỏi xem việc đòi nợ như thế nào thì A nói với chị NH là sẽ trực tiếp đến gặp anh Trần V rồi thông báo lại cho chị NH sau. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, A rủ B cùng với Nguyễn Văn H đến nhà anh Trần V để tiếp tục đòi nợ. Khi cả nhóm đến nhà anh Trần V thì anh Trần V không có ở nhà, A điện thoại cho anh Trần V để hỏi xem anh Trần V đang ở đâu và được anh Trần V thông báo là đang ở quán nước số X đường L, phường Đ, thành phố V. Khoảng 05 phút sau, A cùng B và Nguyễn Văn H đi đến quán nước số X, đường L để gặp anh Trần V. Tại đây, A và B hỏi anh Trần V có tiền để trả nợ không thì anh Trần V trả lời: "Hôm nay em không có, các anh cho em khất đến thứ tư". Thấy anh Trần V khất nợ, B nói: "Anh chưa bị lệch ai bao giờ, anh đã cho chú cơ hội nhưng chú sai hẹn thì phải chịu hậu quả" đồng thời A nói: "Anh lệch nhiều quá, không có tiền thì đi cùng bọn em". Anh Trần V trần trừ không muốn đi theo nhóm người của A nhưng do liên tục bị nhóm A hối thúc và lo sợ bị đánh nên anh Trần V buộc phải đi theo. A điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn H đi trước, anh Trần V điều khiển xe máy đi phía sau cách xe của A khoảng 40m, còn B thì điều khiển xe máy đi song song với xe máy của anh Trần V mục đích là để giám sát anh Trần V không cho anh Trần V có cơ hội bỏ trốn. A, B cùng với Nguyễn Văn H đưa anh Trần V đến quán Karaoke M&M ở thôn M, xã T, huyện Y. Tại đây, nhóm A thuê phòng hát số 08, tại tầng 05 của quán Karaoke M&M đồng thời bắt anh Trần V vào ở trong đó cùng nhóm người của A. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, A nói với Nguyễn Văn H và B: "Giữ nó ở đây cho nó sợ để nó gọi người nhà mang tiền đến". Sau đó cả bọn tiếp tục hát và uống bia tại quán

Karaoke M&M. Một lúc sau, anh Trần V xin B cho về nhà nhưng B không đồng ý và yêu cầu anh Trần V phải ở lại quán Karaoke M&M đồng thời yêu cầu anh Trần V gọi điện về cho gia đình bảo người nhà mang tiền đến. Trong thời gian bị giữ tại quán Karaoke M&M, anh Trần V có điện thoại về cho vợ là chị Nguyễn Thị Thu HN và bảo chị HN mang 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) đến để trả nợ cho nhóm A nhưng chị HN nói là không có tiền nên anh Trần V tiếp tục gọi điện thoại cho bạn là anh Lê Q ở phường Đ, thành phố V và kể lại cho anh Q nghe toàn bộ sự việc rồi nhờ anh Q vay tiền hộ. Sau đó anh Trần V buộc phải ở lại phòng hát số 08 của quán Karaoke M&M cùng nhóm A. Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 11/9/2017, do nhà A có việc nên A về nhà trước khoảng 02 giờ sau thì B cũng rời khỏi phòng hát số 08 của quán hát Karaoke M&M để đi đón A quay trở lại phòng hát. Thời điểm này, tại phòng hát số 08 của quán hát Karaoke M&M chỉ có anh Trần V và Nguyễn Văn H ở lại. Mặc dù, lúc này trong phòng hát số 08 chỉ có Nguyễn Văn H và anh Trần V nhưng Nguyễn Văn H không có hành vi gì đe dọa, ép buộc đối với anh Trần V. Tuy nhiên, do anh Trần V lo sợ bị các đối tượng hành hung nên anh Trần V không dám rời khỏi quán hát Karaoke M&M. Một lúc sau, A cùng với B quay trở lại phòng hát số 08 và tiếp tục quản thúc anh Trần V ở đó.

Sau khi nhận được điện thoại của anh Trần V, anh Q đã nói lại toàn bộ sự việc cho anh Đỗ Văn E cũng là bạn của anh Trần V đang tạm trú tại số X đường L, phường Đ biết. Anh E liền điện thoại cho anh Trần V hỏi xem sự việc thế nào thì anh Trần V nhờ anh E vay tiền hộ để trả cho nhóm A. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, B tiếp tục đe dọa anh Trần V phải gọi cho người nhà mang tiền đến nếu không sẽ không được rời khỏi quán. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, anh E gọi điện thoại cho anh Trần V thì B cầm điện thoại của anh Trần V nghe. Sau khi trao đổi với anh E, B đã chỉ đường qua điện thoại cho anh E biết địa điểm của quán hát Karaoke M&M. Khi anh E tới cửa quán thì B cùng A xuống đón và đưa anh E lên phòng hát số 08. Tại đây, anh E đặt số tiền 2.000.000 đồng lên mặt bàn để trả nợ cho nhóm của A, sau khi A nhận tiền xong thì bị tổ Công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt giữ và đưa toàn bộ những người có liên quan về trụ sở làm việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tạm giữ của Nguyễn Tiến A 2.144.000 đồng, trong số tiền bị tạm giữ có 2.000.000 đồng là tiến do anh E mang đến để trả nợ; 01 giấy vay tiền và 01 giấy hẹn trả nợ do anh Trần V tự viết và ký tên; 03 chiếc điện thoại di động các loại trong đó 01 chiếc Nokia, 01 chiếc HTC và 01 chiếc HUAWEI. Tạm giữ của Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell; 01 giấy cam kết ký tên Trần V. Thu của anh Trần V 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 36H2 – 8928. Tạm giữ của anh

Đỗ Văn E 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone. Tạm giữ của chị Nguyễn Thị NH 01 thẻ Đảng viên mang tên Trần V và 01 quyển vở học sinh bên trong ghi nội dung giấy vay tiền ký tên Trần V.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định. Chị NH là người trực tiếp cho anh Trần V vay tiền, do anh Trần V mất khả năng trả nợ nên chị NH đã nhờ Nguyễn Tiến A thay mình đòi nợ anh Trần V. Khi nhờ A đòi tiền hộ, chị NH không có hành vi chỉ đạo hay tổ chức cho A bắt giữ anh Trần V, đồng thời chị NH cũng không biết việc Nguyễn Tiến A cùng đồng bọn đưa anh Trần V đến quán Karaoke M&M và giữ anh Trần V ở đó nhằm mục đích uy hiếp tinh thần buộc anh Trần V phải trả nợ. Việc vay nợ tiền giữa chị NH và anh Trần V chỉ là thỏa thuận dân sự và do các bên tự nguyện nên không có dấu hiệu tội phạm hình sự . Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý hình sự đối với chị NH.

Quá trình điều tra xác minh cũng đã làm rõ, khi được Nguyễn Tiến A rủ đi đòi nợ anh Trần V. Nguyễn Văn H nhiều lần đi cùng Nguyễn Tiến A đến nhà anh Trần V để đòi tiền. Đêm ngày 10/9/2017, khi A và B bắt giữ anh Trần V tại quán hát Karaoke M&M thì Nguyễn Văn H cũng là người cùng đi theo A và B đến quán hát Karaoke M&M. Mặc dù Nguyễn Văn H có đi theo nhóm người của A và ở cùng với nhóm người của A tại quán hát Karaoke M&M. Trong thời gian anh Trần V bị A và B bắt giữ tại quán hát Karaoke M&M có lúc trong phòng hát chỉ có Nguyễn Văn H và anh Trần V nhưng Nguyễn Văn H không có hành vi gì đe dọa hay uy hiếp tinh thần đối với anh Trần V. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Văn H đến làm việc nhưng hiện tại Nguyễn Văn H không có mặt tại địa phương và không có căn cứ để xác định hiện tại Nguyễn Văn H đang ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh khi nào làm rõ thì xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần V bị các đối tượng bắt giữ tại quán Karaoke M&M từ đêm ngày 10/9/2017 đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2017 thì được thả. Quá trình điều tra đã làm rõ, trong thời gian anh Trần V bị A và B bắt giữ, anh Trần V không bị đánh đập cho nên không bị tổn hại gì về sức khỏe và cũng không bị mất tài sản gì. Tại Cơ quan điều tra, anh Trần V không có yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự vì vậy không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 13.600.000 đồng là tiền ăn ở, thuê phòng hát tại quán Karaoke M&M. Nguyễn Văn H là người trực tiếp thanh toán cho quản lý của quán hát đầy đủ, tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn H không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe máy biển kiểm soát 36H2 - 8928 cùng

chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI và 01 thẻ Đảng viên. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần V nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần V. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone cùng 2.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn E nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh E. Ngoài ra, 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và HTC cùng 144.000 đồng quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Tiến A nên trả lại cho A nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, quá trình điều tra đã làm rõ là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, do chưa xác định được vai trò của Nguyễn Văn H trong vụ án, bản thân Nguyễn Văn H hiện tại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra lưu giữ chiếc điện thoại trên tại kho vật chứng của Công an huyện Yên Lạc để tiếp tục xác minh khi nào làm rõ thì xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa.

Bản cáo trạng số: 19/CT – VKS ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B về tội: "Bắt giữ người trái pháp luật", theo quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS năm 1999" (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố. Tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ được. Từ đó có đủ cở sở để xác định các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến A từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến A cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang

cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh B từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B không có ý kiến bổ sung gì khác và các bị cáo không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cung: Bị cáo Nguyễn Tiến A không trình bày ý kiến gì, bị cáo Nguyễn Mạnh B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và của Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp và đúng với quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ

sở để kết luận: Do anh Trần V có nợ chị Nguyễn Thị NH 110.000.000 đồng nhưng mất khả năng thanh toán nên chị NH đã nhờ Nguyễn Tiến A là em họ bên nhà chồng chị NH đòi nợ hộ. Khoảng 21giờ 00 phút ngày 10/9/2017, Nguyễn Tiến A rủ Nguyễn Mạnh B cùng với Nguyễn Văn H đi tìm anh Trần V để đòi nợ. Sau khi gặp anh Trần V tại đường L, phường Đ, thành phố V. A và B đã thực hiện hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần anh Trần V để ép buộc bắt anh Trần V phải đi theo các bị cáo đến phòng hát số 08 tầng 05 của quán Karaoke M&M ở thôn M, xã T, huyện Y. Tại đây, A và B đã cùng nhau giữ anh Trần V ở phòng hát số 08 của quán Karaoke M&M. Trong thời gian giữ anh Trần V, B nhiều lần yêu cầu anh Trần V phải điện thoại về cho người thân đem tiền đến để trả nợ thì các bị cáo mới cho anh Trần V về nhà. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2017, anh Đỗ Văn E là bạn của anh Trần V đã mang tiền đến quán Karaoke M&M để trả cho A và B thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện và bắt giữ.

Xét vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này, Nguyễn Tiến A là đối tượng khởi xướng rủ rê lôi kéo Nguyễn Mạnh B đi tìm anh Trần V để đòi nợ hộ chị NH rồi đưa anh Trần V đến quán Karaoke M&M và giữ anh Trần V tại phòng hát số 08 từ đêm ngày 10/9/2017 đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2017. Trong thời gian giữ anh Trần V, A và B nhiều lần buộc anh Trần V phải điện thoại về cho người thân mang tiền đến trả nợ. Do vậy, A được xác định là người giữ vai trò đầu vụ. Đối với Nguyễn Mạnh B, sau khi được A rủ đi đòi nợ, B đã bắt ép anh Trần V đến quán hát Karaoke M&M. Trong thời gian ở quán hát Karaoke M&M, Nguyễn Mạnh B đã nhiều lần thực hiện hành vi uy hiếp, đe dọa tinh thần anh Trần V để buộc anh Trần V phải điện thoại cho người thân mang tiền đến trả nợ, hành vi của B diễn ra trong thời gian liên tục.Vì vậy, Nguyễn Mạnh B được xác định là người giữ vai trò đồng phạm tích cực giúp sức cho A thực hiện hành vi tội phạm.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Bắt giữ người trái pháp luật", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương; hành vi đe dọa uy hiếp tinh thần của A và B đối với anh Trần V nhằm mục đích buộc anh Trần V phải làm theo những gì mà nhóm của A yêu cầu đã xâm phạm đến quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử phạt các bị

cáo thật nghiêm minh trước pháp luật như vậy mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo đều là những người có sức khỏe nhưng lười lao động, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Ở vụ án này, tuy bị cáo Nguyễn Tiến A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo không phải là người có nhân thân tốt. Trước khi phạm tội, năm 2010 bị cáo bị Công an phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích đến năm 2011 bị cáo tiếp tục bị Công an phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong việc xử phạt từ năm 2011 cho nên đến nay bị cáo không bị coi là người còn tiền sự. Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh B, bị cáo đã có 01 tiền án. Năm 2015, bị Tòa án quân sự khu vực thủ đô Hà Nội Xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Do vậy lần phạm tội này được xác định là trường hợp tái phạm nên bị cáo B phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo B còn có 02 tiền sự, bị Công an phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm trật tự an toàn công cộng, đến nay bị cáo chưa chấp hành xong việc xử phạt. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Mặc dù bị cáo Nguyễn Tiến A là người 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo chưa bị kết án lần nào. Ngoài ra hành vi bắt giữ anh Trần V của A chưa gây hậu quả gì và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do bị cáo A được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho

gia đình và xã hội. Đối với Nguyễn Mạnh B, tuy vai trò của bị cáo chỉ là người đồng phạm giúp sức nhưng hành vi của bị cáo thể hiện sự quyết liệt và mang tính liên tục, nhân thân của bị cáo quá xấu, bị cáo liên tiếp phạm tội sau khi vừa mới chấp hành xong hình phạt. Ngoài việc bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo còn 02 tiền sự chưa chấp hành xong. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật và khó giáo dục. Vì vậy, khi lượng hình cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định. Do các bị cáo không phải là người có chức vụ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với hành vi cho vay tiền với lãi suất cao của chị Nguyễn Thị NH, Cơ quan điều tra đã làm rõ. Chị NH là người trực tiếp cho anh Trần V vay số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc với mức lãi suất 8.000.000 đồng/tháng. Anh Trần V đã trả cho chị NH được 03 tháng lãi là 24.000.000 đồng. Trong quá trình chị NH nhờ A đòi nợ hộ, anh Trần V đã trợ cho chị NH thêm được 40.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi chị NH đã nhận được của anh Hòa là 64.000.000 đồng. Mặc dù hành vi cho anh Trần V vay tiền với lãi suất cao của chị NH có dấu hiệu của tội cho vay nặng lãi. Tuy nhiên, quá trình điều tra, chưa có đủ căn cứ để xác định việc chị NH cho vay lãi suất cao ở trên mang tính chuyên nghiệp và việc cho vay lãi của chị NH là nguồn sống chính, thực tế số tiền chị NH nhận lại của anh Trần V chưa đủ số tiền gốc mà chị NH đã bỏ ra cho anh Trần V vay. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý hình sự đối với chị NH về hành vi cho vay tiền lấy lãi suất cao. Ngoài ra, sau khi chị NH cho anh Trần V vay tiền, nhiều lần chị NH đòi nợ anh Trần V nhưng anh Trần V không trả nợ nên chị NH đã nhờ Nguyễn Tiến A đòi nợ hộ. Khi chị NH nhờ A đòi tiền, chị NH không có hành vi chỉ đạo hay tổ chức cho A bắt giữ anh Trần V, đồng thời chị NH cũng không biết việc Nguyễn Tiến A cùng đồng bọn đưa anh Trần V đến quán Karaoke M&M nhằm mục đích bắt giữ anh Trần V ở lại để đe dọa, uy hiếp tinh thần anh Trần V buộc anh Trần V phải trả nợ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với chị NH.

Đối với hành vi đi cùng với A và B đến nhà anh Trần V để đòi nợ rồi đưa anh Trần V đến quán hát Karaoke M&M và ở cùng nhóm A tại phòng hát số 8 của quán hát Karaoke M&M của Nguyễn Văn H. Quá trình điều tra đã làm rõ, khi được Nguyễn Tiến A rủ đi đòi nợ anh Trần V. Nguyễn Văn H nhiều lần đi

cùng Nguyễn Tiến A đến nhà anh Trần V để đòi tiền. Đêm ngày 10/9/2017, khi A và B bắt giữ anh Trần V tại quán hát Karaoke M&M thì Nguyễn Văn H cũng là người đi theo A và B đến quán hát Karaoke M&M. Mặc dù Nguyễn Văn H có đi theo nhóm người của A và ở cùng với nhóm người của A tại quán hát Karaoke M&M nhưng trong thời gian anh Trần V bị A và B bắt giữ tại quán hát Karaoke M&M có lúc trong phòng hát chỉ có Nguyễn Văn H và anh Trần V nhưng Nguyễn Văn H không có hành vi gì đe dọa hay uy hiếp tinh thần đối với anh Trần V. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Trần V đến làm việc nhưng hiện tại Nguyễn Văn H không có mặt tại địa phương và không có căn cứ để xác định hiện tại Nguyễn Văn H đang ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ thì xử lý sau là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần V bị các đối tượng bắt giữ tại quán Karaoke M&M từ đêm ngày 10/9/2017 đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2017 thì được thả, quá trình điều tra đã làm rõ. Trong thời gian anh Trần V bị A và B bắt giữ, anh Trần V không bị đánh đập nên không bị tổn hại gì về sức khỏe và cũng không bị mất tài sản gì. Tại Cơ quan điều tra, anh Trần V không có yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 13.600.000 đồng là tiền ăn ở, thuê phòng hát tại quán Karaoke M&M. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến A xác nhận, số tiền trên là tiền của A đưa cho Nguyễn Văn H thanh toán cho quản lý của quán hát Karaoke M&M. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn H và tại phiên tòa Nguyễn Tiến A không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe máy biển kiểm soát 36H2 - 8928 cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI và 01 thẻ Đảng viên. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần V nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần V. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone cùng 2.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn E nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh E. Ngoài ra, 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và HTC cùng 144.000 đồng quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Tiến A nên trả lại cho A nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, quá trình điều tra đã làm rõ là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, do chưa xác định được vai trò của Nguyễn Văn H trong vụ án, bản thân Nguyễn Văn H hiện tại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra lưu giữ chiếc điện thoại trên tại kho vật chứng của Công an huyện Yên Lạc để tiếp tục xác minh khi nào làm

rõ thì xử lý sau.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến A 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến A cho Ủy ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh B 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến A 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu Nokia và 01 chiếc nhãn hiệu HTC cùng 144.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục thi hành án huyện Yên Lạc và Công an huyện Yên Lạc ngày 03/4/2018).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Tiến A và Nguyễn Mạnh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS; VP.